

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 16/2021/HS-ST

Ngày: 20-4-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đình Đạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Minh

Bà Nguyễn Thị Tiếng Thơ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nghiêm Văn Hải, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thuý Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 11/2021/TLST-HS, ngày 17 tháng 3 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/HSST-QĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 đối với:

1. Họ và tên: Hoàng Văn T; Giới tính: Nam.

Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày: 01/01/1980, tại Hà Nội;

Đăng ký NKTT : A, D, Phường B, Tp. L, tỉnh Lâm Đồng.

Chỗ ở: TDP M, TT. C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng

Nghề nghiệp: Chấp hành viên – Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

Trình độ văn hóa: 12/12.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không.

Con ông: Hoàng Văn C1, sinh năm 1945.

Con bà: Cấn Thị N, sinh năm 1946. Hiện cả hai trú tại A, D, Phường B, Tp. L, tỉnh Lâm Đồng.

Anh, chị em: Gia đình có 06 anh chị em, T là con thứ tư trong gia đình.

Vợ: Phạm Thị Thu L, sinh năm 1982, trú tại TDP Q, TT C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng.

Con: có 03 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2017. Hiện trú tại TDP Q, TT C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng.

Tiền án, tiền sự : Không

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng từ ngày 30/12/2020 đến nay.

***Người bị hại**

1. Chị **Ngô Thị H**, sinh năm: 1981

Địa chỉ: Thôn H1, xã O, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (Vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan**

1. Chị: **Phạm Thị Thu L**, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng (Có mặt)

*** Người làm chứng**

1. Chị: **Đinh Thị K**, sinh năm: 1970

Địa chỉ: Thôn P, xã M1, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (Vắng mặt không lý do)

2. Chị: **Đinh Thị Q**, sinh năm: 1991

Địa chỉ: Tổ dân phố A1, TT. Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (Vắng mặt không lý do)

3. Anh: **Nguyễn Viết A**, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Thôn L1, xã O, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (Vắng mặt không lý do)

4. Anh: **Ngô Văn B**, sinh năm: 1992

Địa chỉ: Thôn M1, xã O, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (Vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03/11/2020, Đinh Văn G – con trai bà Đinh Thị K và Ngô Hùng M – em trai chị Ngô Thị H bị Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đ bắt, tạm giam để điều tra về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Bà K đã nói việc G bị bắt giữ với Nguyễn Viết A, sinh năm 1987, trú tại Thôn L1, xã O, huyện Đ - tự nhận là con nuôi của bà K thì A nói có quen biết với Hoàng Văn T, đang làm tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Đ nên A nói bà K để A nhờ T lo giảm án cho G. Khoảng giữa tháng 11/2020, A đã giới thiệu để bà K gặp, trao đổi với T về mức án của G, đồng thời nhờ T lo giảm án cho G. T đồng ý. Nhưng gia đình bà K có quan hệ thông gia với gia đình chị Ngô Thị H (vợ G là cháu ruột của Ngô Thị H, Ngô Hùng M) nên chị H cũng biết việc bà K nhờ T lo giảm án cho G nên H cũng xin số điện thoại của T, liên hệ và nhiều lần hẹn gặp T ở quán cà phê hoặc đến nhà T ở TDP M, TT C, huyện C để hỏi và tìm hiểu về mức độ phạm tội của M, qua đó H nhờ T lo cho M2 được hưởng án treo hoặc mức án nhẹ nhất.

Sau khi nghe bà K, chị H nói về tình hình của M2 và G bị bắt khi đang tàng trữ 01 tép ma túy. Bằng sự hiểu biết pháp luật của mình, T biết tàng trữ trái phép 01 tép ma túy thì hành vi cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại khoản 01 của Điều 249 BLHS và có khung hình phạt từ 01 đến 05 năm tù. Nếu có nhiều tình tiết giảm nhẹ thì mức án khoảng từ 01 đến 1,5 năm tù. T đã nói cho chị H, bà K biết mức án như vậy nhưng chị H nghĩ rằng để M2 được hưởng mức án nhẹ nhất thì phải bỏ tiền đưa hối lộ

(tức lo “chạy án”) nên H đặt vấn đề hỏi T muốn M2 được hưởng mức án 01 đến 1,5 năm tù thì tốn khoảng bao nhiêu tiền thì T nói đưa cho T khoảng 60 đến 70 triệu đồng, H đồng ý nhưng do gia đình hoàn cảnh khó khăn, nên H nói tạm thời đưa trước cho T 30 triệu đồng, còn lại 40 triệu đồng sẽ đưa vào dịp tết Nguyên đán. T đồng ý.

Ngày 29/12/2020, H hẹn gặp T tại quán Cafe S ở TDP A3 – TT.Đ nên mang theo số tiền 29 triệu đồng bỏ vào phong bì rồi cho vào túi nilon màu đen đưa cho T nhưng T nói “Chỗ này đông người, không tiện” nên H mang tiền về.

Sáng ngày 30/12/2020, bà Đinh Thị K và con gái là Đinh Thị Q cùng với Ngô Thị H đi thăm nuôi G và M2 tại nhà tạm giữ Công an huyện Đ. Khi biết bà K hẹn gặp T quán cà phê K1 ở TDP A1, TT. Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng để đưa giấy tờ nên chị H cũng muốn đi theo. Trước khi đi chị H đã mang theo số tiền 29 triệu đồng, kèm theo 01 tờ giấy kê ngang, trên có ghi dòng chữ viết tay “*Trăm sự nhờ anh T giúp đỡ cho M2 nhà em*” bỏ trong 01 phong bì và bọc bên ngoài 01 bịch ni lon màu đen, để trong cốp xe rồi cùng đến quán cà phê K1, ngồi tại bàn gỗ đầu tiên của quán cách cổng ra vào của quán là 08m để chờ T. Khoảng 30 phút sau T điều khiển xe máy hiệu Ware màu đỏ biển số 49M5-0107 đến để cách bàn ngồi uống nước khoảng 3,5m rồi vào ngồi nói chuyện với K, Q và H. Sau đó, Q đưa cho T các tờ đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản photo sổ hộ nghèo của G và đơn thuốc của bà Đinh Thị K. Khi T đang xem đơn của G thì H nói đến việc nhờ T lo “chạy án” cho M2. Chị H nói rõ nhờ T lo giúp giảm án cho M2, gia đình chị đồng ý giao cho T 70 triệu đồng nhưng mới có được 30 triệu đồng đề nghị T nhận trước giúp, còn 40 triệu đồng sẽ đưa cho T sau. T đồng ý nói “ừ được rồi, bỏ ra xe”. Vừa nói T vừa cầm chìa khóa chiếc xe mô tô biển kiểm soát 49M5-0107 của T đưa ra, có ý nói chị H bỏ tiền vào cốp xe cho T. Thấy vậy chị Q đã cầm chìa khóa xe mô tô của T ra mở cốp xe bỏ các giấy tờ, đơn xác nhận của G vào cốp xe, còn chị H cũng ra mở cốp xe của mình lấy túi ni lon màu đen bên trong có phong bì màu trắng có số tiền 29.000.000 đồng (*Hai mươi chín triệu đồng*), kèm theo 01 tờ giấy kê ngang có ghi dòng chữ viết tay “*Trăm sự nhờ anh T giúp đỡ cho M2 nhà em*” rồi mang đến bỏ vào cốp xe máy của T thì bị lực lượng công an huyện Đ bắt quả tang, thu giữ vật chứng, khám xét theo quy định.

Người bị hại: chị Ngô Thị H, sinh năm 1981, trú tại Thôn H1, xã O, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng bị chiếm đoạt số tiền 29.000.000 đồng

Tại bản Cáo trạng số 13/CT-VKSĐT ngày 17 tháng 3 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố bị cáo Hoàng Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 12 (Mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù. Đề nghị phạt bổ sung từ 10.000.000đồng đến 15.000.000đồng.

Về trách nhiệm dân sự: sau khi vụ việc xảy ra, người bị hại là bà Ngô Thị H đã nhận lại số tiền bị chiếm đoạt và đã có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt không yêu cầu gì thêm. Do đó phần dân sự không đề cập đến

*** Vật chứng đã thu giữ gồm:**

01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ đen, biển kiểm soát 49M5-0107 và 01 giấy đăng ký xe mang tên Phạm Thị Thu L và 01 (một) điện thoại di

động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung Galaxy màu tím đã qua sử dụng của Hoàng Văn T, hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Số tiền mặt 29.000.000 đồng (*Hai mươi chín triệu đồng*), kèm tờ giấy có dòng chữ viết tay “Trăm sự nhờ anh T giúp đỡ cho M2 nhà em” được bỏ trong 01 phong bì màu trắng và được bọc bên ngoài 01 túi ni lông màu đen, số tiền trên là tài sản của Ngô Thị H, cơ quan điều tra đã trả lại cho H, đối với tờ giấy viếng tay có dòng chữ “Trăm sự nhờ anh T giúp đỡ cho M2 nhà em” đang được lưu giữ cùng hồ sơ vụ án.

01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Mastel màu xanh, 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Vsmat màu xanh. Xét thấy các tài trên là của chị K và chị H nên cơ quan điều tra đã trả lại cho K và chị H.

32 (ba mươi hai tờ giấy) trên có ghi các nội dung khác nhau (*được đánh số thứ tự từ 01 đến 32*) để trong cốp chiếc xe mô tô biển kiểm soát 49M5-0107 của T khi bắt quả tang là các giấy tờ phô tô sổ hộ khẩu, đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn của bà K, chị H, đơn thuốc của bà K, hiện đang lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Đối với các tài sản thu giữ khi khám xét khẩn cấp nơi ở của Hoàng Văn T gồm: 01 (*một*) laptop nhãn hiệu Dell màu đen; 02 (*hai*) bản photo quyết định về việc nâng lương thường xuyên số 181/QĐ-CTHADS ngày 01/07/2015 đối với Hoàng Văn T; 01 (*một*) bản chính quyết định về việc bổ nhiệm Phó Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự huyện C đối với Hoàng Văn T số 187/QĐ-CTHADS ngày 21/07/2016; 02 (*hai*) bản photo quyết định về việc bổ nhiệm Phó chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự huyện C đối với Hoàng Văn T số 187/QĐ-CTHADS ngày 21/07/2016; 03 (*ba*) bản photo quyết định về việc biệt phái công chức số 283/QĐ-CTHADS ngày 08/10/2018 đối với ông Hoàng Văn T; 01 (*một*) biên bản về việc giao quyết định, văn bản thi hành án của Hoàng Văn T cho bà Lý Thị K2 ngày 20/05/2020; 01 (*một*) giấy xác nhận mở tài khoản mới của Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Đ đối với khách hàng Hoàng Văn T; 01 (*một*) giấy nộp tiền ngày 25/05/2018 của ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Đ; 01 (*một*) bản chính quyết định về việc nâng lương thường xuyên số 152/QĐ-CTHADS ngày 02/06/2019 đối với Hoàng Văn T; 01 (*một*) bản gốc bảng thanh toán tiền lương tháng 08/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Khi khám xét khẩn cấp nơi làm việc của Hoàng Văn T tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Đ, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đ đã thu giữ: 01 (*một*) bản phô tô sổ hộ khẩu chủ hộ Đỗ Thị T1; 01 (*một*) giấy khám sức khỏe của Đinh Thị K; 01 (*một*) giấy tiếp nhận hồ sơ của Đinh Thị K; 01 (*một*) hợp đồng tư vấn pháp lý giữa Hoàng Văn T và Ngô Thị H lập ngày 02/12/2020; 04 (*bốn*) tờ giấy A4 ghi “Đơn xin xác nhận” trong đó 03 tờ là do Ngô Hùng M là người viết đơn có chữ ký, 01 tờ là do Đỗ Thị T1 viết đơn không có chữ ký; 04 (*bốn*) giấy nộp tiền của ngân hàng Viettinbank; 01 (*một*) thẻ ngân hàng Agribank mang tên Hoàng Văn T số thẻ: 9704053076304905; 01 (*một*) thẻ ngân hàng Viettinbank mang tên Hoàng Văn T số thẻ: 9704151540503167; số tiền mặt: 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*); 01 (*một*) CPU máy

tính bàn nhãn hiệu DELL optiplex 3060 màu đen; 01 (một) ổ cứng máy tính nhãn hiệu TOSHIBA OCT 2018 màu đen bạc.

Xét thấy chiếc máy tính xách tay là của chị L – vợ của T, thẻ ngân hàng Agribank và thẻ ngân hàng Viettinbank đều mang tên Hoàng Văn T và số tiền mặt: 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) thu giữ khi khám xét nơi làm việc của T là tài sản cá nhân của T, không liên quan đến hành vi phạm tội của T, vì vậy Cơ quan huyện Đ ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho chị Phạm Thị Thu L – vợ của T. Đối với chiếc CPU máy tính bàn nhãn hiệu DELL Optiplex 3060 màu đen và ổ cứng máy tính nhãn hiệu TOSHIBA OCT 2018 màu đen bạc là tài sản của Cơ quan Thi hành dân sự huyện Đ, không liên quan gì đến hành vi phạm tội của T nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện ĐạTẻh đã trả lại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Đ.

Đối với các giấy tờ, tài liệu khác thu giữ khi bắt quả tang và khi khám xét nơi ở, nơi làm việc của Hoàng Văn T hiện đang tạm giữ cùng hồ sơ vụ án để chứng minh hành vi phạm tội của Hoàng Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quyết định tố tụng trong vụ án này là hợp pháp. Bị cáo không có ý kiến gì, thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

2. Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các chứng cứ có trong hồ sơ và được chứng minh bằng: Mặc dù bị cáo không có thẩm quyền trong giải quyết xét xử các loại tội phạm nhưng lại hứa hẹn với người bị hại là có thể lo giảm giảm án, mục đích là để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Đối chiếu các chứng cứ, tài liệu đã thu thập phản ánh trong hồ sơ đã được kiểm tra tại phiên tòa và các quy định của pháp luật đã có đủ cơ sở kết luận; bị cáo Hoàng Văn T đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

3. Về tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo là công chức- chấp hành viên của cơ quan thi hành án dân sự huyện Đ lẽ ra bị cáo phải làm gương chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, nhưng bị cáo lại lợi dụng sự tin tưởng của người dân hứa hẹn việc giúp chạy án cho người phạm tội để lừa đảo chiếm đoạt số tiền 29.000.000đồng của bà Ngô Thị H.

Do đó hành vi của bị cáo đã có đủ cơ sở để cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

4. Về hình phạt: Cần phải có một hình phạt nghiêm khắc là cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo vì bị cáo đang phải nuôi 03 con nhỏ, thu nhập của vợ bị cáo không đủ chi phí trong khi bị cáo đã bị mất thu nhập.

5. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng

6. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm

trọng, người bị hại đã có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, mẹ bị cáo là người có công với cách mạng. Đó là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

7. Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường cho nên phần trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không xem xét.

8. Về vật chứng của vụ án:

Cần trả lại 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ đen, biển kiểm soát 49M5-0107 và 01 giấy đăng ký xe mang tên Phạm Thị Thu L. Vì đây là tài sản riêng của chị L có trước khi kết hôn với bị cáo T, chị L không biết bị cáo T sử dụng xe vào mục đích phạm tội.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung Galaxy màu tím đã qua sử dụng của Hoàng Văn T. Vì bị cáo đã trực tiếp sử dụng điện thoại này phục vụ cho mục đích phạm tội của bị cáo.

Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 phong bì giấy màu trắng, viền xanh đỏ, kích thước 11cm x 16,5cm, phần miệng phong bì đã bị mở.

+ 01 túi ni lông màu đen, có 02 quai xách, đã qua sử dụng.

Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

9. Về án phí: Áp dụng các điều 135 và điều 136 của BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Hoàng Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Hoàng Văn T** phạm tội “ **Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**”.

Áp dụng khoản 1 điều 174 điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 30/12/2020.

2. Về vật chứng của vụ án:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Trả lại 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ đen, biển kiểm soát 49M5-0107 và 01 giấy đăng ký xe mang tên Phạm Thị Thu L.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung Galaxy màu tím đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong điện thoại, góc màn hình phía trên, bên phải của chiếc điện thoại bị vỡ, nứt.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì giấy màu trắng, viền xanh đỏ, phong bì có kích thước 11cm x 16,5cm, phần miệng phong bì đã bị mở; 01 túi nilong màu đen, có hai quai xách, đã qua sử dụng.

Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

3. Về án phí: Áp dụng các điều 135 và điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Hoàng Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của BLTTHS. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Bùi Đình Đạo